

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC
TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG FPT
Số: 172/BC-PTFPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2024
(Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024)

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục

Tên trường: Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT.

Tên ngắn gọn: Trường phổ thông FPT.

Tên giao dịch quốc tế: FPT School Da Nang.

1.2. Địa chỉ, trụ sở

- Địa chỉ: Tòa nhà Epsilon, tòa nhà Delta thuộc Khu đất A3-1 Khu Đô thị Công nghệ FPT, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Điện thoại: 0236.3502992, 0236.7307779

- Email: ts.fsc3.dn@fe.edu.vn; tuyensinh.fsc12.dn@fe.edu.vn

- Website:

<https://danang3-school.fpt.edu.vn>, <https://danang12-school.fpt.edu.vn>

1.3. Loại hình cơ sở giáo dục

- Loại hình: Tư thục.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng.

- Nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục: Công Ty TNHH Giáo Dục FPT

1.4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu

*** Sứ mệnh**

- Cung cấp năng lực cạnh tranh toàn cầu cho đông đảo người học, góp phần mở mang bờ cõi trí tuệ đất nước.

*** Tầm nhìn:**

- Trở thành hệ thống giáo dục mang tính quốc tế, đáp ứng nhu cầu xã hội và dựa trên các công nghệ đào tạo tiên tiến nhất.

*** Giá trị cốt lõi của học sinh FPT Schools**

- **Công nghệ:** có hiểu biết về các công nghệ mới; biết ứng dụng công nghệ cơ bản vào hoạt động sinh hoạt và học tập hàng ngày; có xu hướng tìm hiểu và cập nhật các công nghệ mới nhất xuất hiện trên thế giới.

- **Tự lập:** Chủ động và tích cực trong suy nghĩ và hành động nhằm hướng tới việc xây dựng và thực hiện việc học, lao động và ứng xử tích cực, từng bước trưởng thành dựa vào chính năng lực và ý chí của bản thân.

- **Sáng tạo:** có ý thức về việc luôn tìm ra cách làm mới, hay và hiệu quả hơn, đồng thời biết phương pháp để suy nghĩ sáng tạo, và triển khai các hoạt động sáng tạo.

- **Trải nghiệm:** Tiếp cận thực tế, huy động kiến thức, kỹ năng để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết vấn đề, qua đó chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức, kỹ năng mới.

- **Tôn trọng cá nhân:** Đánh giá đúng mực, coi trọng danh dự, lợi ích và phẩm giá của người khác, tôn trọng sự khác biệt của mỗi người.

*** Mục tiêu của nhà trường:**

- Tạo dựng môi trường giúp học sinh phát triển cá nhân toàn diện, xác định được đam mê, chuẩn bị những kiến thức, kỹ năng, thái độ ứng xử, nền tảng văn hóa và trên hết là một tinh thần tự lập vô cùng cần thiết cho giai đoạn học tập cao hơn và chính thức trưởng thành sau này. Những giờ học ngoại khóa tại trường giúp học sinh phát hiện đam mê, tôi luyện được những sở trường vốn có của mình.

- Thừa hưởng nhiều thành quả giáo dục từ Tổ chức Giáo dục FPT phát triển các vấn đề về ngoại ngữ, kỹ năng, phương pháp tư duy, sự chủ động. Học sinh của nhà trường sẽ được chuẩn bị chu đáo để hướng tới các chương trình giáo dục tốt nhất.

1.5. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Tại thành phố Đà Nẵng, Trường Trung học phổ thông FPT chính thức được thành lập theo Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và có trụ sở tại 137 Nguyễn Thị Thập, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Nhà đầu tư của trường là Trường Đại học FPT và chính thức hoạt động giáo dục theo Quyết định số 501/QĐ-SGDĐT ngày 21/4/2017 của sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng sau 2 năm chuẩn bị.

Sau khi triển khai hoạt động, do nhu cầu của xã hội cũng như mong muốn mở rộng hoạt động giáo dục, Trường Đại học FPT đã đề nghị thành lập Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT (trên cơ sở nâng cấp Trường Trung học phổ thông FPT), theo đó, ngày 11/6/2019 Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 2558/QĐ-UBND cho phép thành lập Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT, trụ sở tại Tòa nhà FPT trong khu Công nghiệp Đà Nẵng, số 593 đường Ngô Quyền, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Tuy nhiên, sau một thời gian hoạt động ngắn, theo quy hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, trụ sở của Trường Tiểu học, Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT tại Tòa nhà FPT, số 593 đường Ngô Quyền, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng không còn thuộc quy hoạch đất cho giáo dục (Thông báo số 138/TB-VP ngày 06/8/2019 về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại buổi họp nghe báo cáo liên quan đến việc sử dụng đất tại Khu công nghiệp Đà Nẵng), theo đó Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT phải di dời tới địa điểm mới.

Ngày 18/6/2020, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã có công văn số 3966/UBND-SGDĐT gửi Nhà đầu tư (Trường Đại học FPT) cho phép: (1) Chuyển địa điểm của cấp trung học phổ thông từ Khu công nghiệp Đà Nẵng về Khu K FU thuộc Khu Đô thị Công nghệ FPT sau khi hoàn thành các thủ tục nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng (công trình thuộc Phân hiệu Trường Đại học FPT); (2) thống nhất chủ trương chuyển địa điểm của cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông về lô đất ký hiệu A3-1 thuộc Khu đô thị Công nghệ FPT khi Nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

Ngày 21/4/2020 Trường Đại học FPT đã ban hành Quyết định số 380/QĐ-DHFPT giao cho Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT quản lý và sử dụng một phần đất và tài sản trên đất thuộc Khu K FU (GD 2), Khu Đô thị Công nghệ FPT để tổ chức hoạt động giáo dục bậc trung học phổ thông gồm toàn bộ tòa nhà Beta với diện tích sàn xây dựng 14.837m², toàn bộ Ký túc xá trung học với diện tích sàn xây dựng 9.543m², nhà để xe số 1, nhà tập thể dục có mái che, ... và được sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật và các công trình phụ trợ với Phân hiệu Trường Đại học FPT gồm nhà ăn, sân bóng, sân tập thể dục thể thao ngoài trời với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, sân chơi, cây xanh cảnh quan trong khuôn viên Khu K FU (GD 2).

Ngày 28/7/2020 Sở giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 688/QĐ-SGDĐT cho phép Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT hoạt động giáo dục cấp trung học phổ thông tại Tòa nhà Beta trung học (Khu K FU (GD 2) thuộc Khu Đô thị Công nghệ FPT Đà Nẵng, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 19/4/2021 Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng đã có Quyết định số 439/QĐ-SGDĐT cho phép Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT hoạt động giáo dục cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở tại Tòa nhà Epsilon thuộc khu đất A3-1 Khu Đô thị Công nghệ FPT, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng (khu đất thuộc sở hữu của Nhà đầu tư).

Ngày 23/6/2021, Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng có công văn số 4573/SXD-CCGD gửi Trường Đại học FPT thông báo kết quả nghiệm thu đưa công trình Khối nhà Trung học (Tòa nhà Epsilon) thuộc dự án Trường Tiểu học, Trung học cơ sở FPT vào sử dụng (Dự án thuộc lô đất ký hiệu A3-1 thuộc Khu

đô thị Công nghệ FPT) và như vậy Khối Tiểu học, Trung học cơ sở đã chính thức di dời về địa điểm mới này.

Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT hiện đang vận hành với hai khối giáo dục phổ thông có cấu trúc và mô hình hoạt động riêng biệt, phản ánh sự chuyên biệt hóa đã được thực hiện.

Việc thành lập Trường Trung học phổ thông FPT tại thành phố Đà Nẵng vào năm 2015, sau đó là nâng cấp thành Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT tại thành phố Đà Nẵng vào năm 2019, cho thấy một cách tiếp cận theo từng giai đoạn để gia nhập thị trường của Tổ chức Giáo dục FPT. Việc sử dụng Tòa nhà FPT trong khu Công nghiệp Công nghiệp Đà Nẵng, số 593 đường Ngô Quyền, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cho cả hai cơ sở ban đầu minh chứng cho việc tận dụng chiến lược cơ sở hạ tầng hiện có của FPT. Cách tiếp cận theo từng giai đoạn này cho phép Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT thử nghiệm thị trường, xây dựng danh tiếng và tối ưu hóa việc phân bổ nguồn lực trước khi cam kết xây dựng một khuôn viên lớn, tích hợp. Điều này cũng làm nổi bật sự linh hoạt của FPT trong việc thiết lập sự hiện diện giáo dục bằng cách tận dụng các cơ sở vật chất sẵn có, giảm thiểu chi phí ban đầu.

Việc chuyển từ Tòa nhà FPT trong Khu Công nghiệp Đà Nẵng ban đầu sang một khuôn viên chuyên biệt, quy mô lớn cho thấy giai đoạn đầu đã thành công và một quyết định chiến lược để mở rộng sự hiện diện của Khối Phổ thông FPT tại Đà Nẵng. Việc xây dựng hai tòa nhà lớn (Epsilon và Delta) dành riêng cho cấp Tiểu học và Trung học cơ sở (Tại Khu A3-1) cho thấy một cam kết dài hạn và đầu tư đáng kể. Sự chuyển đổi từ một cơ sở dùng chung sang một khuôn viên được xây dựng có mục đích thể hiện sự trưởng thành của FPT Schools Đà Nẵng, từ một giai đoạn thử nghiệm hoặc sơ khai sang một tổ chức giáo dục toàn diện, có khả năng tiếp nhận số lượng học sinh lớn hơn và cung cấp một môi trường học tập đầy đủ hơn.

Sự hiện diện của Khối Tiểu học, Trung học FPT (tại Khu A3-1), cùng với Khối Trung học phổ thông FPT (nằm trong khuôn viên Trường Đại học FPT, tại Khu K FU) tại Khu Đô thị Công nghệ FPT cho thấy một chiến lược có chủ ý nhằm tích hợp tất cả các cấp học phổ thông vào một hệ sinh thái thống nhất. Đây là một sự tiến bộ từ các cơ sở ban đầu riêng lẻ. Cấu trúc thống nhất này cho phép một lộ trình giáo dục liền mạch cho học sinh trong Khối Phổ thông FPT, có khả năng thúc đẩy một ý thức cộng đồng mạnh mẽ hơn và một cách tiếp cận sự phạm nhất quán từ tiểu học đến trung học phổ thông. Nó cũng hợp lý hóa việc quản lý hành chính và nguồn lực, tạo ra một dịch vụ giáo dục hiệu quả và toàn diện hơn.

Vị trí của 2 khối giáo dục nằm trong Khu Đô thị Công nghệ FPT Đà Nẵng không phải là ngẫu nhiên. FPT City được hình dung là một trung tâm công nghệ. Sự tương đồng vị trí này cho thấy một chiến lược có chủ ý nhằm tạo ra một hệ sinh thái toàn diện, nơi giáo dục, công nghệ và cuộc sống đô thị được tích hợp. Điều này ngụ ý rằng học sinh tại FPT Schools Đà Nẵng được hòa mình vào một

môi trường tự nhiên thúc đẩy kiến thức công nghệ và đổi mới, phù hợp với tầm nhìn rộng lớn hơn của FPT về Đà Nẵng là một trung tâm CNTT và đổi mới. Điều này mang lại lợi thế độc đáo cho học sinh về khả năng tiếp cận và định hướng nghề nghiệp tương lai trong hệ sinh thái FPT.

1.6. Thông tin đại diện phát luật

- Họ và tên: Lê Trường Nhật. Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Khu đô thị FPT, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0912601387.
- Địa chỉ email: nhatlt@fe.edu.vn

1.7. Tổ chức bộ máy

* Danh sách Hội đồng trường

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1	Ông Lê Trường Tùng	Chủ tịch Hội đồng trường Đại học FPT - Đại diện nhà đầu tư	Chủ tịch
2	Ông Nguyễn Khắc Thành	Hiệu trưởng trường Đại học FPT	Ủy viên
3	Ông Nguyễn Xuân Phong	Phó Hiệu trưởng trường Đại học FPT; Giám đốc Khối Giáo dục phổ thông FPT	Ủy viên
4	Ông Lê Trường Nhật	Hiệu trưởng trường TH, THCS và THPT FPT	Ủy viên
5	Bà Nguyễn Thị Kiều Ngân	Phó Hiệu trưởng trường TH, THCS và THPT FPT	Thư ký

* Danh sách Ban giám hiệu nhà trường

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Số Quyết định và ngày công nhận của Sở Giáo dục và Đào tạo
1	Ông Lê Trường Nhật	25/03/1951	Hiệu Trưởng	Quyết định số 1634/QĐ-SGDĐT ngày 04/12/2020
2	Bà Nguyễn Thị Kiều Ngân	27/12/1983	P. Hiệu trưởng	Quyết định số 249/QĐ-SGDĐT ngày 13/3/2025
3	Bà Nguyễn Ngọc Hà	01/03/1979	P. Hiệu trưởng	Quyết định số 1425/QĐ-SGDĐT ngày 08/11/2022

* Tổ chức phòng ban, đoàn thể.

Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT có các tổ chuyên môn, phòng ban chức năng, các hội đồng chuyên trách và các tổ chức chính trị - xã hội. Việc thành lập và phân công chức năng, nhiệm vụ được thực hiện theo các quyết định quản lý nội bộ của nhà trường, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và phù hợp với mô hình trường tư thực.

Theo Quyết định số 91/QĐ-PTFPT ngày 01/09/2020 của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT về việc thành lập và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các Khối, Ban, Phòng, Tổ chuyên môn, cụ thể:

Khối trung học phổ thông gồm:

- Tổ Văn phòng
- Phòng Tuyển sinh
- Tổ Quản nhiệm
- Ban Đào tạo:
- + Tổ Tự nhiên
- + Tổ Xã hội
- + Tổ Tiếng Anh
- + Tổ Phát triển cá nhân.

Khối Tiểu học và Trung học cơ sở gồm:

- Tổ Văn phòng
- Phòng Tuyển sinh
- Tổ Công tác học sinh
- Ban Đào tạo tiểu học
- Ban Đào tạo Trung học cơ sở:
- + Tổ Tự nhiên
- + Tổ Xã hội
- + Tổ Tiếng Anh
- + Tổ Phát triển cá nhân.

Phòng Công tác học sinh thuộc Khối Tiểu học và Trung học cơ sở được đổi tên theo Quyết định số 43/QĐ-PTFPT ngày 01/3/2022 của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT về việc đổi tên Tổ công tác học sinh thành Phòng Công tác học sinh thuộc Khối Tiểu học và Trung học cơ sở.

Phòng công tác học sinh thuộc Khối Trung học phổ thông có chức năng nhiệm vụ tại Quyết định số 23/QĐ-PTFPT ngày 15/02/2022 của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT về việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Phòng Công tác học sinh thuộc Khối Trung học phổ thông.

Sau khi giải thể hoạt động của Ban đào tạo thuộc Khối Trung học phổ thông theo Quyết định số 51/QĐ-PTFPT ngày 10/3/2022 của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT, Phòng Tổ chức và Quản lý đào tạo thuộc Khối Trung học phổ thông được thành lập theo Quyết định số 52/QĐ-PTFPT ngày 10/3/2022 của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT về việc thành lập Phòng Tổ chức và Quản lý đào tạo thuộc Khối Trung học phổ

thông.

Tổ Giám thị thuộc Khối Trung học phổ thông được thành lập theo Quyết định số 208/QĐ-PTFPT ngày 13/12/2021 của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT về việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Tổ Quản nhiệm và thành lập Tổ Giám thị thuộc Khối Trung học phổ thông.

Các phòng, tổ nêu trên có trách nhiệm thực hiện các chức năng hỗ trợ chuyên môn, quản trị học sinh, tổ chức thi cử, kiểm tra, truyền thông, chăm sóc học sinh và triển khai các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- Các lớp học và tổ học sinh

Học sinh được biên chế thành các lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và căn cứ vào số lượng học sinh tuyển sinh hằng năm. Mỗi lớp trung bình từ 25 đến 35 học sinh, được chia thành các tổ, do giáo viên chủ nhiệm phụ trách. Học sinh được tổ chức và quản lý theo quy chế học sinh, bảo đảm kỷ luật, nề nếp và phát huy tính chủ động, sáng tạo trong học tập và sinh hoạt tập thể.

- Các hội đồng chức năng

Để bảo đảm công tác quản lý và điều hành theo nguyên tắc tập thể, các hội đồng chức năng gồm:

- + Hội đồng Thi đua - Khen thưởng
- + Hội đồng Kỷ luật
- + Hội đồng Sư phạm
- + Hội đồng Tư vấn.

Các hội đồng này hoạt động theo quy chế riêng, có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất ý kiến về công tác thi đua, khen thưởng, xử lý vi phạm, chuyên môn, tư vấn chính sách phát triển trường.

- Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại trường thực hiện công tác lãnh đạo chính trị, tư tưởng, định hướng hoạt động toàn diện của nhà trường. Các tổ chức đoàn thể hoạt động tích cực, gồm:

- + Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh (đối với cấp Tiểu học, Tiểu học).
- + Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (đối với cấp Trung học cơ sở).
- + Công đoàn cơ sở nhà trường.

- Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT đã xây dựng quy chế hoạt động được ban hành theo Quyết định số 142A/QĐ-PTFPT ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT.

- Về chức năng, nhiệm vụ của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT là:

Chức năng

- Giáo dục phổ thông hoàn chỉnh: Cung cấp chương trình giáo dục phổ thông hoàn chỉnh ở cấp Trung học phổ thông, bao gồm các môn học và hoạt động giáo dục nhằm bảo đảm học sinh đạt được yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và năng lực, phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực.

- Định hướng phát triển cá nhân: Định hướng nghề nghiệp, giúp học sinh hiểu rõ các lựa chọn tiếp theo (học nghề, học tiếp lên bậc cao hơn hoặc tham gia lao động), phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện thực tế của các em.

- Phát triển kỹ năng sống và giá trị sống: Chú trọng phát triển các phẩm chất như trung thực, trách nhiệm, tự học, yêu nước, khoan dung và năng lực thích ứng với các điều kiện, hoàn cảnh xã hội đa dạng và phức tạp.

Nhiệm vụ

(1) Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

- Triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho cấp THPT, bao gồm các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học lựa chọn, các chuyên đề học tập, đảm bảo các yêu cầu về phẩm chất và năng lực.

- Thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, giáo dục STEM và giáo dục kỹ năng sống, giúp học sinh gắn kiến thức với thực tiễn.

- Đào tạo, bồi dưỡng thế hệ học sinh có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực, có khả năng hòa nhập vào các chương trình giáo dục quốc tế ở các bậc học cao hơn.

(2) Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

- Thực hiện các phương pháp kiểm tra, đánh giá mới, bao gồm đánh giá năng lực, phẩm chất và đánh giá quá trình học tập.

- Đảm bảo tổ chức đánh giá thường xuyên, định kỳ, công bằng, khách quan, dựa trên các tiêu chuẩn được quy định để phản ánh trung thực quá trình và kết quả học tập của học sinh, không gây áp lực lên học sinh, hạn chế tổn kém cho ngân sách nhà nước, gia đình học sinh và xã hội.

(3) Định hướng nghề nghiệp cho học sinh

- Tư vấn, hướng dẫn học sinh lựa chọn môn học tự chọn phù hợp với năng lực và sở thích cá nhân, nhằm định hướng nghề nghiệp từ sớm.

- Cung cấp các thông tin cần thiết về nghề nghiệp, tổ chức các chương trình hướng nghiệp, các buổi tham quan thực tế tại các cơ sở đào tạo hoặc doanh nghiệp.

(4) Phát triển năng lực tự học, tự chủ và sáng tạo của học sinh

- Khuyến khích học sinh tự học, tư duy sáng tạo và tự lập thông qua các phương pháp dạy học tích cực như học nhóm, thảo luận, nghiên cứu dự án.

- Tạo điều kiện để học sinh phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm, và các kỹ năng mềm cần thiết cho cuộc sống và nghề nghiệp trong tương lai.

(5) Thực hiện các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống và văn hóa ứng xử

- Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục đạo đức, lối sống và văn hóa ứng xử nhằm xây dựng nhân cách, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm cho học sinh.

- Chú trọng giáo dục về bảo vệ môi trường, sức khỏe sinh sản vị thành niên, phòng chống bạo lực học đường, bảo đảm an toàn trường học.

(6) Phối hợp với gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục

- Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với phụ huynh học sinh và các tổ chức cộng đồng, thông qua việc thông báo, trao đổi thông tin về tình hình học tập, rèn luyện của học sinh.

- Tạo điều kiện cho phụ huynh và cộng đồng tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường, tăng cường gắn kết giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội.

(7) Các nhiệm vụ khác

- Nghiên cứu phát triển về giáo dục.

- Hợp tác quốc tế góp phần đưa giáo dục Việt Nam tham gia tích cực vào nền giáo dục phát triển.

- Gìn giữ và phát triển những di sản và bản sắc văn hóa dân tộc.

- Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên; xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, cân đối về cơ cấu trình độ, cơ cấu độ tuổi và giới tính.

- Tuyển sinh và quản lý người học.

- Tổ chức cho giáo viên, cán bộ, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội phù hợp.

- Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.

- Tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền.

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng

Khối Trung học phổ thông

TT	Nội dung	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo					
				TS	Ths	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số các vị trí việc làm	183		1	30	150	0	1	1
I	Cán bộ quản lý	3	2		1	2			
1	Hiệu trưởng	1				1			
2	Phó Hiệu trưởng	2	2		1	1			
II	Giáo viên	103		1	28	74			
-	Toán	13			4	9			
-	Ngữ văn	16			3	13			
-	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	14			4	10			
-	KHTN								
-	Vật lí	10		1	4	5			
-	Hóa học	7				7			
-	Sinh học	9			6	3			
-	Tin học	4			1	3			
-	Công nghệ								
-	Lịch sử & Địa lí								
-	GDCD/GDKT&PL	3			1	2			
-	Lịch sử	5			2	3			
-	Địa lí	4				4			
-	GDTC	4			2	2			
-	Nghệ thuật								
-	Âm nhạc	1				1			
-	Mỹ thuật	1				1			
-	GDQP	8				8			
-	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	4			1	3			
III	Nghệ vụ dùng chung	77			1	74		1	1
-	Kế toán	2			1	1			
-	Y tế	3				3			
-	Văn thư - Lưu trữ	1				1			
-	Thủ quỹ	1				1			
-	Hành chính	11				10		1	
-	Giám thị học đường	4				4			
-	Giáo viên quản nhiệm	34				34			
-	Cán bộ phát triển cá nhân	10				10			
-	Thủ viện	1				1			
-	Cán bộ tư vấn học sinh	1				1			
-	Cán bộ tuyển sinh	7				7			
-	Công nghệ thông tin	1				1			
IV	Phục vụ								

TT	Nội dung	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo					
				TS	Ths	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
-	Bảo vệ								
-	Phục vụ	1							1

Khởi Tiểu học, Trung học cơ sở:

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	293	0	3	260	30	0	0
I	Cán bộ quản lý	3	0	2	1	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	2	0	0	0	0
II	Giáo viên	186	0	1	184	1	0	0
1	Toán	17	0	0	17	0	0	0
2	KHTN	12	0	1	10	1	0	0
3	Tin học	4	0	0	4	0	0	0
4	Ngữ văn	18	0	0	18	0	0	0
5	Lịch sử và Địa lí	9	0	0	9	0	0	0
6	GDCD	4	0	0	4	0	0	0
7	Ngoại ngữ 1	28	0	0	28	0	0	0
8	GDTC	6	0	0	6	0	0	0
9	Nghệ thuật	12	0	0	12	0	0	0
10	GV Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	5	0	0	5	0	0	0
11	Công nghệ	14	0	0	14	0	0	0
12	Giáo viên chủ nhiệm tiểu học	57	0	0	57	0	0	0
III	Nhân viên	104	0	0	75	29	0	0
1	Tổ chức và quản lý đào tạo	7	0	0	7	0	0	0
2	Công tác học sinh	7	0	0	7	0	0	0
3	Giám thị học đường	7	0	0	5	2	0	0
4	Giáo viên bán trú	66	0	0	40	26	0	0
5	Hành chính, văn phòng	13	0	0	13	0	0	0
6	Thư viện	1	0	0	1	0	0	0
7	Y tế	3	0	0	2	1	0	0

2. Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

TT	Nội dung	2024	2023
I	Cán bộ quản lý	03	03
1	Số lượng đạt	03	03
2	Tỷ lệ đạt	100%	100%
II	Giáo viên - cán bộ	183	180
1	Số lượng đạt	183	180
2	Tỷ lệ đạt	100%	100%

3. Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên khối THPT hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

TT	Nội dung	2024	2023
I	Cán bộ quản lý	03	03
1	Số lượng hoàn thành	03	03
2	Tỷ lệ hoàn thành	100%	100%
II	Giáo viên	103	106
1	Số lượng hoàn thành	103	106
2	Tỷ lệ hoàn thành	100%	100%

III. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG

TT	Nội dung	2024	2023	Yêu cầu theo quy định (Tùy theo từng bậc học, cấp học, các đơn vị cụ thể hóa theo Thông tư 13/2020)
1	Diện tích đất khu xây dựng			Đảm bảo
1.1	Điểm trường			
1.1.1	Điểm trường TH & THCS FPT	16,335m ²	16,335m ²	
1.1.2	Điểm trường THPT FPT	50,233m ²	50,233m ²	
1.2	Diện tích bình quân cho mỗi trẻ/học sinh			
1.2.1	Điểm trường TH & THCS	9,12 m²	10,84 m²	
1.2.2	Điểm trường THPT	11,13 m ²	10,64m ²	
2	Khối phòng hành chính quản trị			Đảm bảo
2.1	Phòng Hiệu trưởng	1	1	
2.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	1	1	

TT	Nội dung	2024	2023	Yêu cầu theo quy định (Tùy theo từng bậc học, cấp học, các đơn vị cụ thể hóa theo Thông tư 13/2020)
2.3	Văn phòng trường	1	1	
2.4	Phòng dành cho nhân viên	1	1	
2.5	Phòng bảo vệ			
2.6	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	1	1	
3	Khối phòng học tập			Đảm bảo
3.1	Phòng học	60	60	
3.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	1	
3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	1	
3.3	Phòng học bộ môn Công nghệ:	1	1	
3.4	Phòng học bộ môn KHTN			
3.5	Phòng học bộ môn Tin học	1	1	
3.6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1	1	
3.7	Phòng đa chức năng	1	1	
4	Khối phòng hỗ trợ học tập			Đảm bảo
4.1	Thư viện	1	1	
4.2	Phòng thiết bị giáo dục			
4.3	Phòng tư vấn học đường	1	1	
4.4	Phòng truyền thống	1	1	
4.5	Phòng Đoàn, Đội	1	1	
5	Khối phụ trợ			Đảm bảo
5.1	Phòng họp toàn thể viên chức, người lao động	1	1	
5.2	Phòng các tổ chuyên môn	2	2	

TT	Nội dung	2024	2023	Yêu cầu theo quy định (Tùy theo từng bậc học, cấp học, các đơn vị cụ thể hóa theo Thông tư 13/2020)
5.3	Phòng Y tế trường học	1	1	
5.4	Nhà kho	1	1	
5.5	Khu để xe học sinh	1	1	
5.6	Khu vệ sinh học sinh			
6	Khu sân chơi, thể dục thể thao			Đảm bảo
-	Diện tích trường TH & THCS FPT	10,502 m ²	10,502 m ²	
-	Diện tích trường THPT FPT	20,381m ²	20,381m ²	

Số thiết bị dạy học hiện có:

- Khối Tiểu học: Số thiết bị hiện có căn cứ theo Thông tư số 37/2021/BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học. Tổng số lượng 7834 thiết bị/loại thiết bị/bộ tư liệu cụ thể:

STT	Môn	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	Tiếng Việt	216	Bộ tư liệu	
2	Toán	653	Thiết bị	
3	Đạo đức	2051	Thiết bị	
4	Tự nhiên và xã hội	1540	Thiết bị	
5	Lịch sử và địa lí	540	Thiết bị	
6	Giáo dục thể chất	280	Thiết bị	
7	Khoa học	312	Thiết bị	
8	HĐTN-HN	1291	Thiết bị	
9	Thiết bị dùng chung	951	Thiết bị	

Khối THCS: Số thiết bị hiện có căn cứ theo Thông tư số 38/2021/BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở. Tổng số lượng 4323 thiết bị/loại thiết bị/bộ tư liệu cụ thể:

STT	Môn	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	Ngữ Văn	427	Bộ tư liệu	

2	Toán	198	Bộ tư liệu	
3	Ngoại ngữ	163	Thiết bị	
4	Giáo dục công dân	73	Bộ tư liệu	
5	Lịch sử và địa lý	465	Bộ tư liệu	
6	Khoa học tự nhiên	2006	Thiết bị	
7	Công nghệ	59	Thiết bị	
8	Tin học	379	Thiết bị	
9	Giáo dục thể chất	419	Thiết bị	
10	Nghệ thuật (Âm nhạc)	47	Thiết bị	
11	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	87	Thiết bị	

- Khối Trung học phổ thông: số thiết bị hiện có căn cứ theo Thông tư số 06/VBHN-BGDĐT ngày 10/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông, nhà trường thực hiện mua sắm đầy đủ theo danh mục. Tổng số lượng 1384 thiết bị/loại thiết bị/bộ tư liệu cụ thể:

STT	Môn	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	Ngữ Văn	19	bộ tư liệu	Sử dụng tư liệu điện tử
2	Toán	5	bộ tư liệu	Sử dụng tư liệu điện tử
3	Ngoại ngữ	60	Thiết bị	
4	Hóa học	133	Thiết bị/ hóa chất	
5	Vật lí	171	Thiết bị	
6	Âm nhạc	58	Thiết bị	
8	Mỹ thuật	39	Thiết bị	
8	Sinh học	125	Thiết bị/ hóa chất	
9	Hoạt động TNHN	11	Bộ tư liệu	Sử dụng tư liệu điện tử
10	Giáo dục TC	670	Thiết bị	
11	Lịch sử	36	Bộ tư liệu	Sử dụng tư liệu điện tử
12	Địa lí	44	Bộ tư liệu	Sử dụng tư liệu điện tử
13	GDKT-PL	13	Bộ tư liệu	Sử dụng tư liệu điện tử

- Sách giáo khoa theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018:

+ Lớp 1, 2: Thực hiện theo Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt danh mục SGK lớp 1, lớp 2 sử dụng trong cơ sở giáo dục tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2021-2022.

+ Lớp 3: Thực hiện theo Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt danh mục SGK lớp 3 sử dụng trong cơ sở giáo dục tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2022-2023.

+ Lớp 4: Thực hiện theo Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt danh mục SGK lớp 4 sử dụng trong cơ sở giáo dục tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2023-2024.

+ Lớp 5: Thực hiện theo Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 01/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt danh mục SGK lớp 5 sử dụng trong cơ sở giáo dục tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2024-2025.

+ Lớp 6: Thực hiện theo Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt danh mục SGK lớp 6 sử dụng trong cơ sở giáo dục trung học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2021-2022.

+ Lớp 7: Thực hiện theo Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt danh mục SGK lớp 7 sử dụng trong cơ sở giáo dục trung học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2022-2023.

+ Lớp 8: Thực hiện theo Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt danh mục SG

+ Lớp 9: Thực hiện theo Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt danh mục SGK lớp 9 sử dụng trong cơ sở giáo dục trung học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2024-2025. K lớp 8 sử dụng trong cơ sở giáo dục trung học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2023-2024.

+ Lớp 10: Thực hiện theo Quyết định 1587/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt danh mục SGK lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục trung học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2022-2023.

+ Lớp 11: Thực hiện theo Quyết định 1587/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt danh mục SGK lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục trung học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2023-2024.

+ Lớp 12: Thực hiện theo Quyết định 1055/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 12 sử dụng trong các cơ sở giáo dục có cấp trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2024-2025.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Nhà trường đạt chứng nhận quốc tế ISO 21001:2018 là tiêu chuẩn dành riêng cho lĩnh vực giáo dục.

- Trường cũng đã tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường qua báo cáo tự đánh giá năm học 2023 - 2024.

- Trường không đăng ký điểm định ngoài.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Công tác tuyển sinh của cơ sở giáo dục, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, và các thông tin liên quan

TT	Nội dung	2024	2023
1	Chỉ tiêu tuyển sinh		
2	Phương thức tuyển sinh	Xét tuyển	Xét tuyển
3	Số lượng tuyển sinh/Nữ	1800/860	1720/830
4	Tỷ lệ tuyển sinh		
5	Tổng số học sinh/Số học sinh nữ	4146	3754
-	Khối 1	392	332
-	Khối 2	360	331
-	Khối 3	330	229
-	Khối 4	259	179
-	Khối 5	202	211
-	Khối 6	355	378
-	Khối 7	379	375
-	Khối 8	357	180
-	Khối 9	173	146
-	Khối 10	435	446
-	Khối 11	419	513
-	Khối 12	485	434
6	Số học sinh bình quân/lớp		
-	Khối 1	28	28
-	Khối 2	30	28
-	Khối 3	28	29
-	Khối 4	29	30
-	Khối 5	29	30
-	Khối 6	27	29
-	Khối 7	29	29
-	Khối 8	27	30
-	Khối 9	29	29
-	Khối 10	29	30
-	Khối 11	28	27
-	Khối 12	26	27
7	Số học sinh học 02 buổi/ngày		
-	Khối 1	392	332
-	Khối 2	360	331
-	Khối 3	330	229
-	Khối 4	259	179
-	Khối 5	202	211
-	Khối 6	355	378
-	Khối 7	379	375

TT	Nội dung	2024	2023
-	Khối 8	357	180
-	Khối 9	173	146
-	Khối 10	435	446
-	Khối 11	419	513
-	Khối 12	485	434
8	Số học sinh là người dân tộc thiểu số/Nữ	21/7	12/3
9	Số học sinh khuyết tật/Nữ	0/0	0/0
10	Số học sinh chuyển đến/Nữ	16/	13/
11	Số học sinh chuyển đi/Nữ	38/	38/

2. Kế hoạch và Kết quả giáo dục

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2024	Kết quả năm 2024	Kế hoạch năm 2023	Kết quả năm 2023
1	Chỉ tiêu Học sinh giỏi cấp quốc gia	0	0	0	0
2	Chỉ tiêu Học sinh giỏi Olympic/quốc tế	0	0	0	0
3	Chỉ tiêu học sinh giỏi cấp thành phố				
-	HSG giải toán trên máy tính cầm tay	0	0	0	0
-	HSG bộ môn	50	81	50	84
-	HSG thí nghiệm thực hành	0	0	0	0
-	HSG KHTN bằng tiếng Anh	0	0	0	0
-	Học sinh đạt giải KHKT		8		5
-	Các cuộc thi khác...	100	129	70	86
4	Chỉ tiêu Giáo viên giỏi cấp trường/thành phố	0	0	0	0
5	Chỉ tiêu Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường/thành phố	0	0	0	0
6	Chỉ tiêu đề tài sáng kiến được công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng	0	0	0	0
-	Cấp cơ sở	0	1	0	0
-	Cấp thành phố	0	1	0	0
-	Cấp toàn quốc	0	0	0	0
7	Tỷ lệ về kết quả học tập				
7.1	Cấp THPT				
-	Tốt		50,91%		36,93%
-	Khá		40,92%		47,15%

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2024	Kết quả năm 2024	Kế hoạch năm 2023	Kết quả năm 2023
-	Đạt		7,95%		15,36%
-	Chưa đạt		0,22%		0,56%
7.2	Cấp THCS				
-	Tốt		59.15%		56.68%
-	Khá		32.58%		32.79%
-	Đạt		8.26%		10.53%
-	Chưa đạt		0%		0%
7.3	Cấp Tiểu học				
-	Hoàn thành xuất sắc		75,02%		46.12%
-	Hoàn thành tốt		17.03%		11.79%
-	Hoàn thành		7.76%		42.09%
-	Chưa hoàn thành		0.19%		0%
8	Tỷ lệ về kết quả rèn luyện				
8.1	Cấp THPT				
-	Tốt		93,73%		92,11%
-	Khá		4,96%		6,77%
-	Đạt		0,73%		0,99%
-	Chưa đạt		0,58%		0,14%
8.2	Cấp THCS				
-	Tốt		99.91%		99.78%
-	Khá		0.09%		0.22%
-	Đạt		0%		0%
-	Chưa đạt		0%		0%
9	Số lượng học sinh được lên lớp		3491		3305
10	Số lượng học sinh không được lên lớp		2		2
11	Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình THPT		432		426
12	Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp THPT		432		424
13	Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp		11		9
14	Số lượng học sinh trúng tuyển đại học		400		409

VI. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

Mức thu học phí năm ngoài

STT	Nội dung	ĐVT	Mức thu	Ghi chú
1	Học phí Khối 10	Đồng/học sinh/tháng	5,360,000	
2	Học phí Khối 11	Đồng/học sinh/tháng	5,600,000	
3	Học phí Khối 12	Đồng/học sinh/tháng	5,500,000	
4	Phí ở nội trú	Đồng/học sinh/tháng	1,600,000	
5	Bảo hiểm y tế	Đồng/học sinh/tháng	73,710	
6	Học phí Khối 1	Đồng/học sinh/tháng	4,560,000	
7	Học phí Khối 2	Đồng/học sinh/tháng	4,100,000	
8	Học phí Khối 3	Đồng/học sinh/tháng	3,300,000 4,100,000	Nhập học năm 2019,2020,2021 Nhập học năm 2022, 2023
9	Học phí Khối 4	Đồng/học sinh/tháng	3,300,000 4,100,000	Nhập học năm 2019,2020,2021 Nhập học năm 2022, 2023
10	Học phí Khối 5	Đồng/học sinh/tháng	3,300,000 4,100,000	Nhập học năm 2019,2020,2021 Nhập học năm 2022, 2023
11	Học phí Khối 6	Đồng/học sinh/tháng	4,880,000	
12	Học phí Khối 7	Đồng/học sinh/tháng	4,500,000	
13	Học phí Khối 8	Đồng/học sinh/tháng	3,800,000 4,500,000	Nhập học năm 2020, 2021 Nhập học năm 2022, 2023
14	Học phí Khối 9	Đồng/học sinh/tháng	3,800,000 4,500,000	Nhập học năm 2020, 2021 Nhập học năm 2022, 2023
15	Bảo hiểm y tế cấp TH, THCS	Đồng/học sinh/tháng	56,700	

Nhận từ ngân sách nhà nước

STT	Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
1	Học kỳ 2 năm học 2023-2024	1373	308,925,000	05 tháng
2	Học kỳ 1 năm học 2024-2025	1334	373,520,000	04 tháng
3	Học kỳ 2 năm học 2023-2024 – Khối TH, THCS	1065	239,625,000	05 tháng
4	Bổ sung học kỳ 2 năm học 2022-2023 – Khối TH, THCS	921	207,225,000	05 tháng
5	Học kỳ 1 năm học 2024-2025 - Khối TH, THCS	1259	302,160,000	04 tháng

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

Nhà trường đã thực hiện chi trả đầy đủ các khoản thu nhập cho giáo viên, tăng cường đầu tư các trang thiết bị, cơ sở vật chất đảm bảo sự vận hành ổn định trong năm 2024

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Tùy theo từng trường hợp nhà trường có nhiều chính sách giảm học phí cho các em học sinh. Trong năm 2024 nhà trường đã thực hiện giảm học phí cho 34 học sinh. Mức giảm học phí từ 10 – 100%

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với khối 10 và 11; Tiếp tục thực hiện chương trình GDPT 2006 với khối 12.

- Nhà trường đã thực hiện hoàn thành chương trình với chất lượng nâng cao. 100% học sinh khối 12 nhà trường đỗ tốt nghiệp

2. Tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch phát triển quy mô trường lớp, đội ngũ nhà giáo và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đảm bảo yêu cầu triển khai chương trình GDPT 2018; thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp, công tác phân luồng học sinh THPT

- Nhà trường đã tích cực triển khai công tác mua sắm các thiết bị nhằm đảm bảo cơ sở vật chất cho việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Đội ngũ giáo viên của nhà trường tham gia đầy đủ các khóa tập huấn và sinh hoạt chuyên môn do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Đồng thời, 100% cán

bộ giáo viên, nhân viên của nhà trường cũng tham gia các khóa tập huấn do khối giáo dục FPT tổ chức.

3. **Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả**

- Nhà trường đã đầu tư phát triển các hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin nhằm đảm bảo sự thông suốt của thông tin giữa gia đình và nhà trường thông qua ứng dụng MyFPTSchool.

- Thông qua các hệ thống quản lý điểm danh, trạng thái học sinh được theo dõi kịp thời.

4. Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; đa dạng hóa các hình thức giáo dục, đẩy mạnh các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học của học sinh; triển khai ứng dụng công nghệ số trong dạy và học

- Các tổ chuyên môn nhà trường đã áp dụng nhiều hình thức kiểm tra đánh giá như dạy học dự án, lớp học đảo ngược, dự án liên môn như dự án “Lắng” nhằm phát triển năng lực của học sinh.

- Trong năm 2024, học sinh nhà trường đã tham dự nhiều sân chơi từ trong nước đến quốc tế và đạt nhiều thành tích. Đặc biệt, một học sinh đại diện Việt Nam giành suất tham dự cuộc thi FIRST TECH Challenge tại Mỹ.

5. Đảm bảo chất lượng chương trình nội trú

- Về đội ngũ, nhà trường có 40 cán bộ quản nhiệm hỗ trợ thực hiện các hoạt động nông nghiệp.

- Về cơ sở vật chất, nhà trường có 2 khu ký túc xá đáp ứng nhu cầu của học sinh.

- Về các hoạt động nội trú, nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động đa dạng hóa trải nghiệm cho học sinh.

- Về các hoạt động hỗ trợ học tập ban đêm, nhà trường đã bố trí giáo viên hỗ trợ học tập riêng cho học sinh yếu và học sinh có nhu cầu học nâng cao.

Trên đây là báo cáo thường niên thực hiện chương trình giáo dục của trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGH;
- Văn phòng;
- Lưu: VT, ĐT.

